CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Than Cao Sơn - TKV

Ngày 31/03/2025	23,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.8%	**-7.6%**	**-7.9%**

DT thuần
Q1/25
2,360
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 260| 12.4%
YoY: ▼604| -20.4%

LN thuần
Q1/25
16.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.67| 87.6%
YoY: ▼96.6| -85.5%

LN sau thuế
Q1/25
12.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.01| 90.1%
YoY: ▼81.3| -86.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
1.0%
YoY: +/-▲ 0.3%

ROE (TTM)
Q1/25
5.1%
YoY: +/-▼ 7.6%

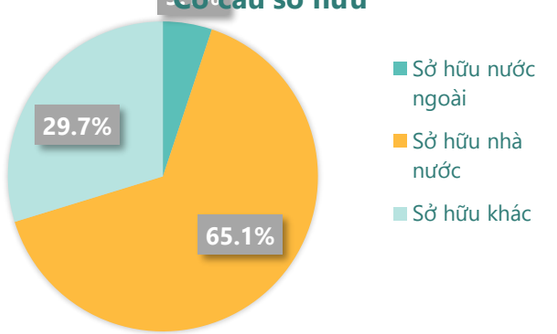
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	994
Số lượng CPLH (CP)	42,846,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,245
Sở hữu nước ngoài	5.1%
Beta	0.97
EPS	1,366
P/E	17.0

DT thuần
2024
9,448
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,542| 19.5%

LN thuần
2024
124
tỷ VNĐ
YoY: ▼225| -64.4%

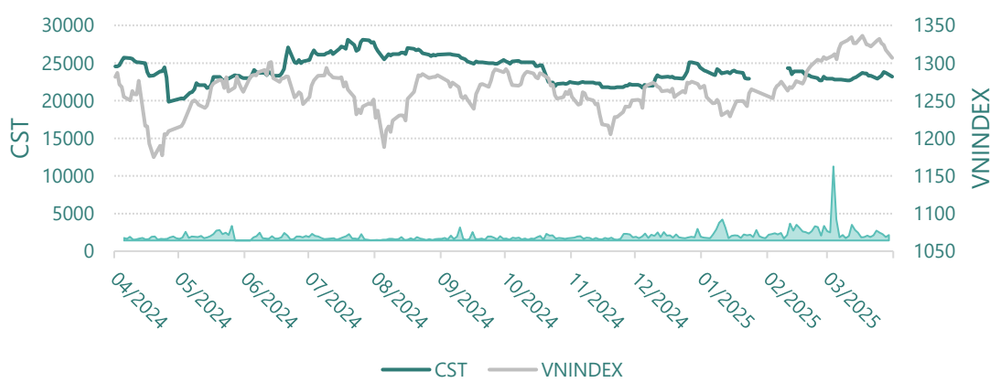
LN sau thuế
2024
130
tỷ VNĐ
YoY: ▼150| -53.6%

Cơ cấu sở hữu

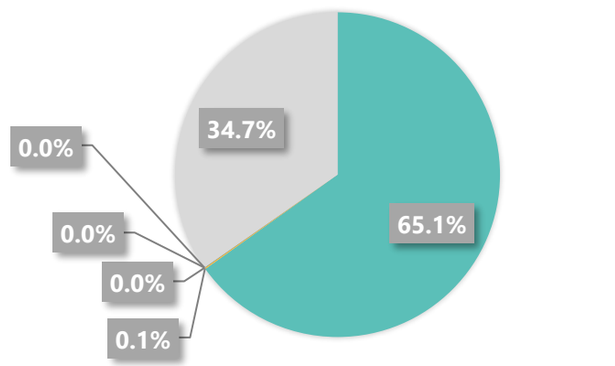


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



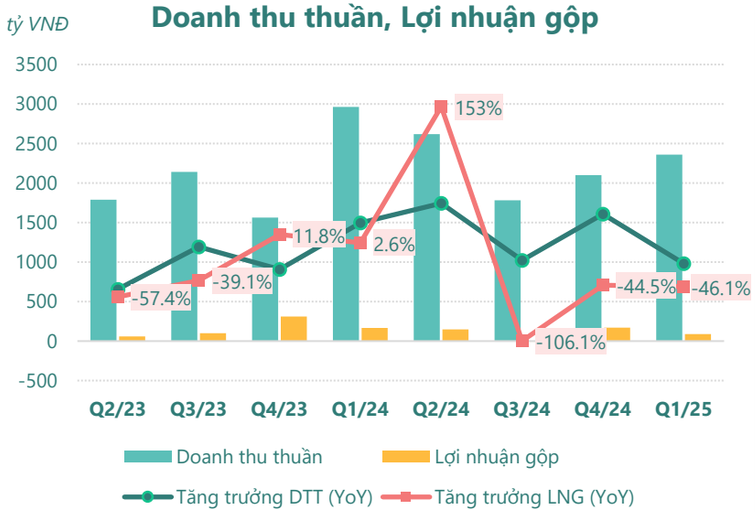
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

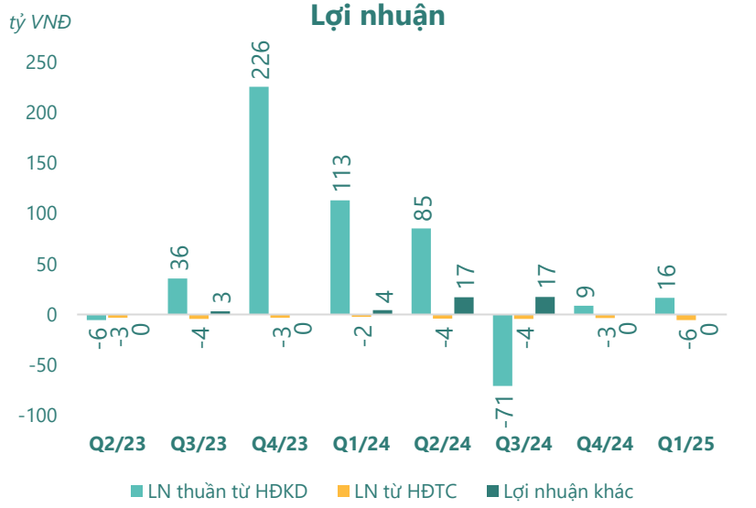
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



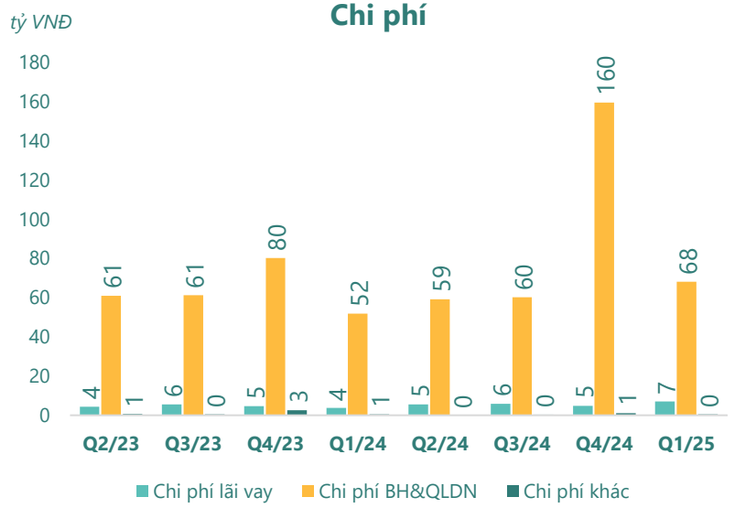
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



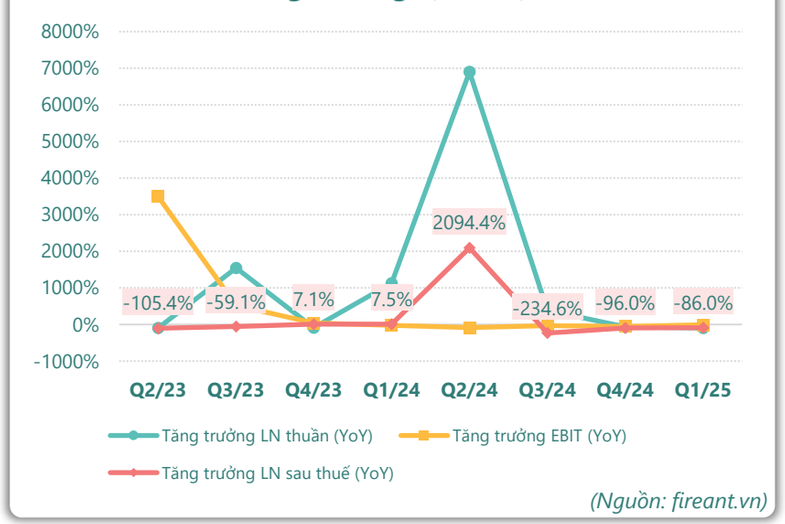
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



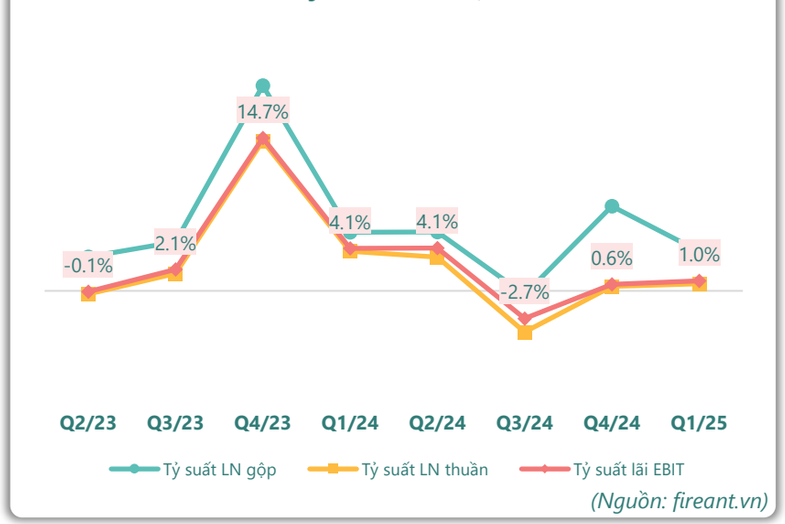
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

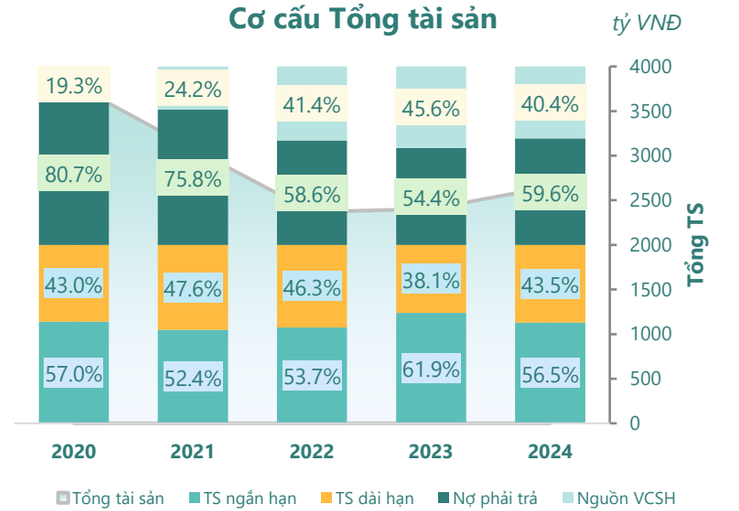
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

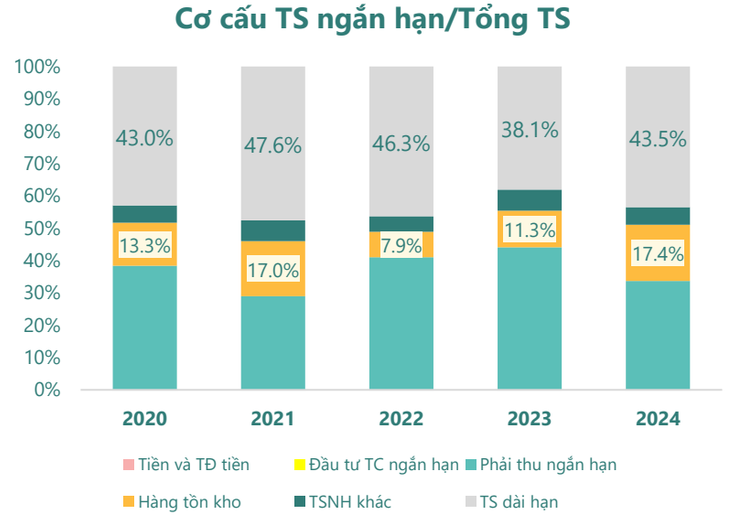
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



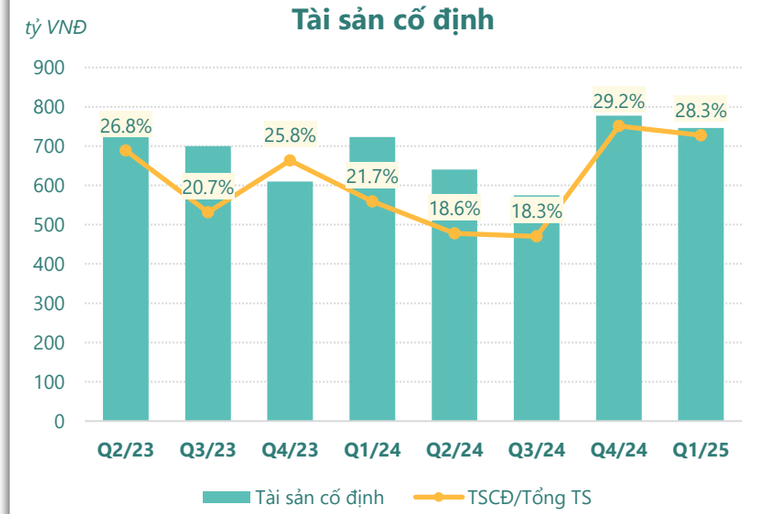
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



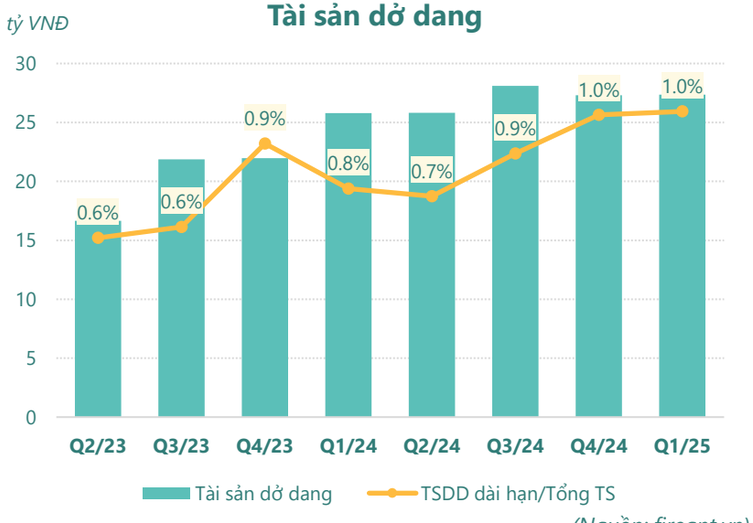
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



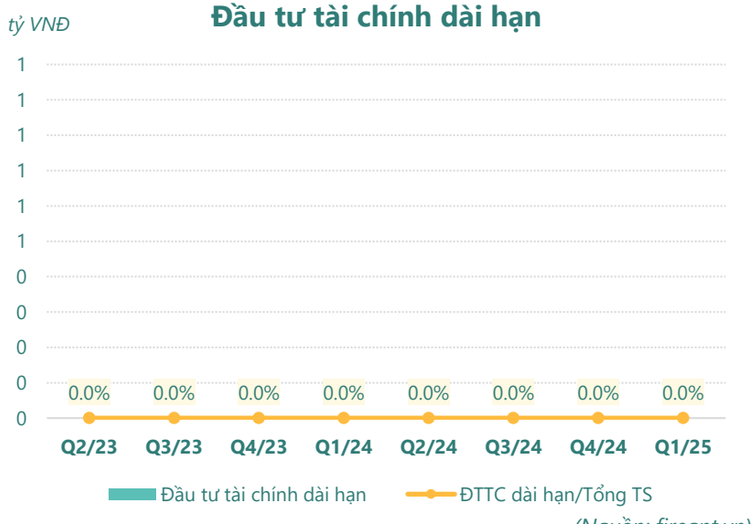
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



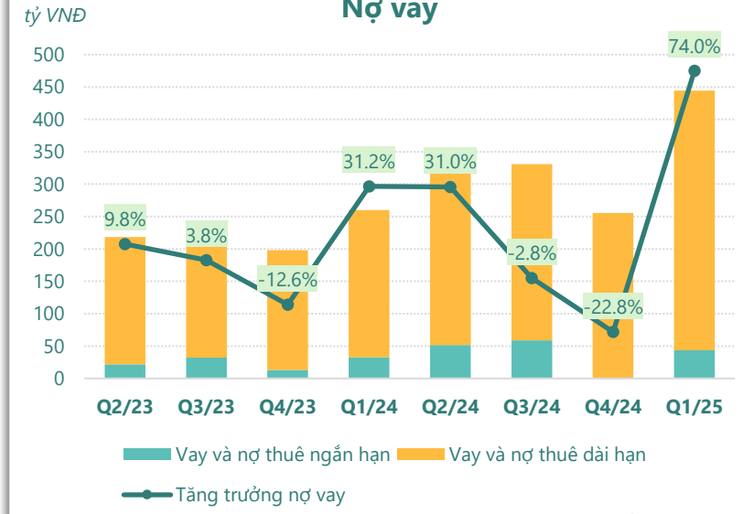
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

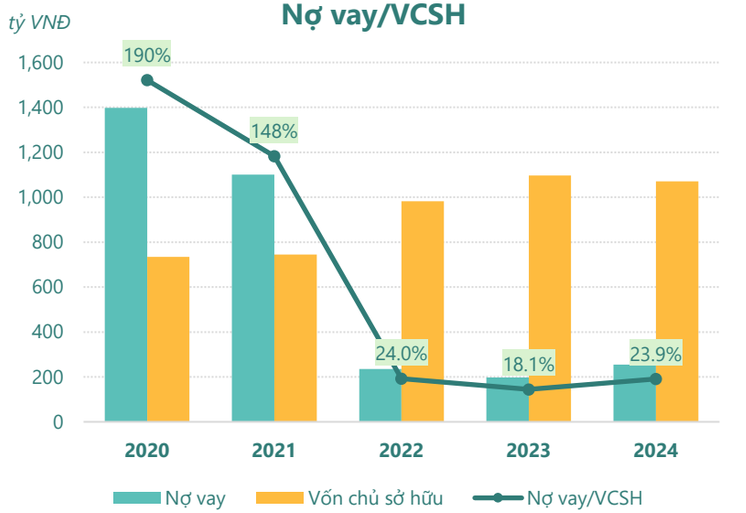
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

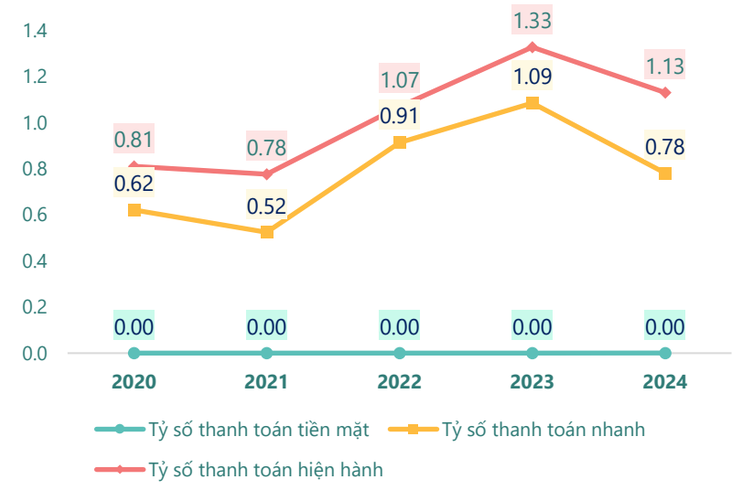
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



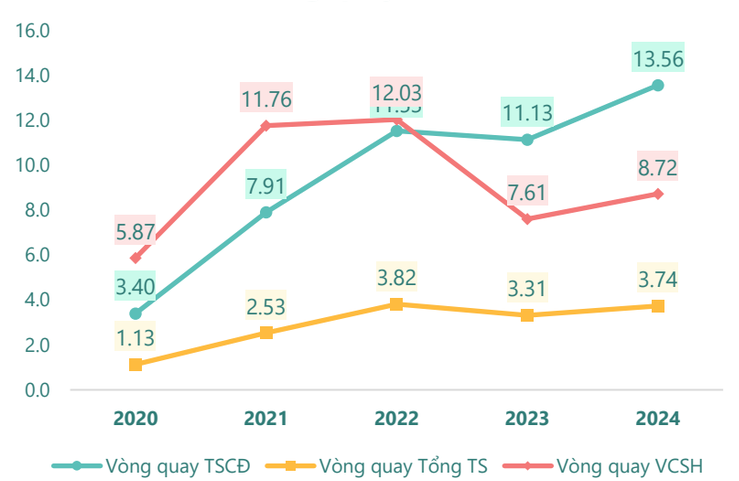
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



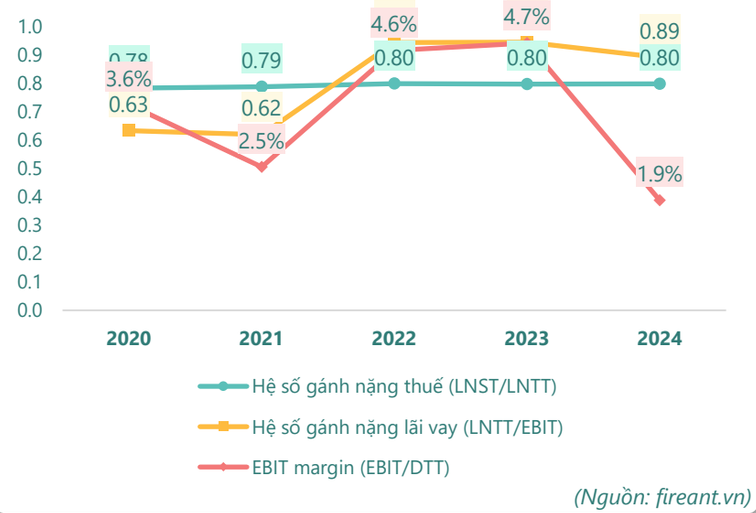
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



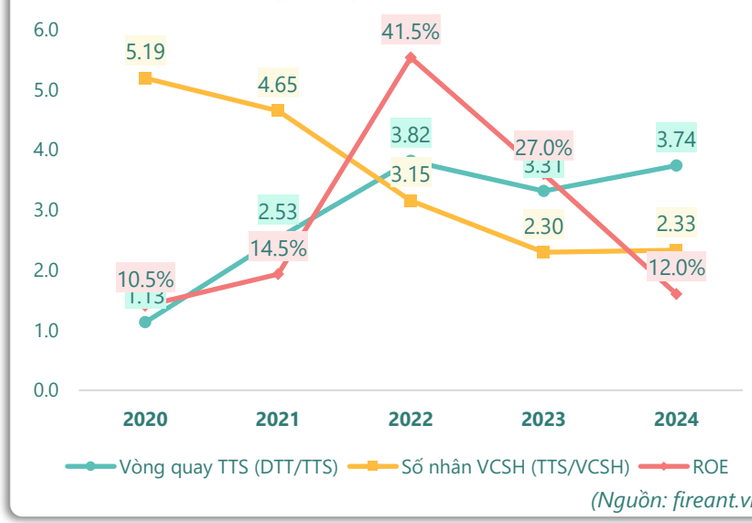
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



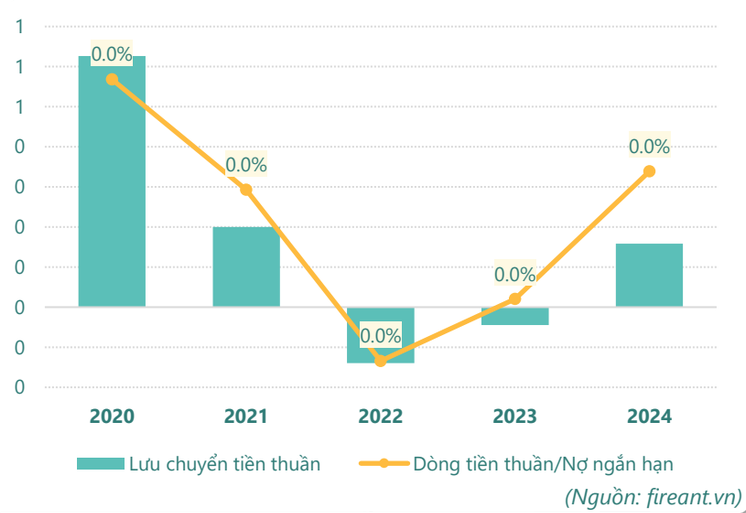
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,360**	**2,964**	**-20.4%**	**9,448**	**7,906**	**19.5%**
Giá vốn hàng bán	2,270	2,797	-18.8%	8,979	7,284	23.3%
Lợi nhuận gộp	90.2	167	-46.0%	469	622	-24.5%
Doanh thu HĐTC	1.49	1.37	8.7%	5.71	5.00	14.1%
Chi phí TC	7.11	3.79	87.6%	20.0	20.5	-2.5%
Chi phí lãi vay	7.11	3.79	87.6%	20.0	20.5	-2.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.03	1.43	-28.2%	5.72	6.96	-17.8%
Chi phí QLDN	**67.2**	**50.4**	**33.3%**	**325**	**250**	**30.0%**
LN thuần từ HĐKD	16.4	113	-85.5%	124	349	-64.4%
Lợi nhuận khác	**-0.37**	**4.34**	**-109%**	**38.8**	**2.31**	**1582%**
LN trước thuế	16.0	118	-86.4%	163	352	-53.7%
Lợi nhuận sau thuế	**12.7**	**94.0**	**-86.5%**	**130**	**280**	**-53.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.7**	**94.0**	**-86.5%**	**130**	**280**	**-53.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	61.0	45.8	113	21.0	132	-167
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-33.1	-107	-111	18.4	-85.2	-21.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.7	61.3	-2.31	-10.8	-75.7	189
Tiền đầu kỳ	1.37	0.64	1.10	1.30	29.8	0.80
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.73**	**0.45**	**0.21**	**28.5**	**-29.0**	**1.12**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.64	1.10	1.30	29.8	0.80	1.92

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,637**	**2,651**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,526	1,499	1.8%
Tiền và tương đương tiền	1.92	0.80	140%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,203	892	35.0%
Hàng tồn kho	230	462	-50.3%
Tài sản ngắn hạn khác	90.7	144	-37.0%
Tài sản dài hạn	**1,111**	**1,153**	**-3.6%**
Phải thu dài hạn	198	191	3.5%
Tài sản cố định	746	783	-4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	27.3	27.3	0.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**140**	**151**	**-7.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,553	1,581	-1.7%
Nợ ngắn hạn	**1,152**	**1,325**	**-13.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.7	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	479	899	-46.7%
Nợ dài hạn	401	255	56.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	401	255	56.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,083**	**1,071**	**1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,083**	**1,071**	**1.2%**
Vốn điều lệ	428	428	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)